

Bản án số: 117/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 24 - 7 - 2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Bà Đoàn Thị Dịu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trục Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1998; Nơi đăng ký KHTT: Xóm 2, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Hiện đang trú tại: Thôn Q, xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990; Địa chỉ: Xóm 2, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị Y, anh Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ ngày 18 tháng 01 năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 11 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ ham chơi không quan tâm chăm lo đến gia đình. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị xin ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Nguyễn Quốc L sinh ngày 13/10/2016 và Nguyễn Quốc K sinh ngày 15/9/2018. Hiện nay cháu L đang ở cùng anh Đ, cháu K ở cùng chị. Khi ly hôn chị nhận nuôi cháu K, anh Đ nuôi cháu L. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 6 năm 2020, biên bản hòa giải ngày 23/6/2020 và ngày 30/6/2020 anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc chị Nguyễn Thị Y có đơn xin ly hôn anh. Anh có quan điểm như sau:

Về tình cảm: Anh xác định thời gian kết hôn như chị Y đã trình bày. Sau khi cưới vợ chồng chung sống đến tháng 11 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ thường xảy ra mâu thuẫn. Anh và chị Y đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Nay chị Y có đơn xin ly hôn anh nhận thấy tình cảm của mình vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Quốc L sinh ngày 13/10/2016 và Nguyễn Quốc K sinh ngày 15/9/2018. Hiện nay cháu L đang ở cùng anh Đ, cháu K đang ở cùng chị Y. Nếu phải ly hôn anh Đ đề nghị được nuôi cả 2 con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Y, anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày: Anh không đồng ý ly hôn vì anh còn tình cảm với chị Y. Nếu chị Y cương quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý. Về con chung anh xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn ngày 18 tháng 01 năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, vợ chồng mất niềm tin, thường xuyên xảy ra va chạm dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh Đ đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ để nuôi dạy các con. Anh Đ xin đoàn tụ nhưng chị Y cương quyết

xin ly hôn. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Y là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quốc L sinh ngày 13/10/2016 và Nguyễn Quốc K sinh ngày 15/9/2018. Hiện nay con Nguyễn Quốc L đang ở với anh, con Nguyễn Quốc K đang ở với chị Y.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung và điều kiện hiện nay của anh Đ và chị Y HĐXX xét thấy: Hiện nay chị Y đang nuôi dưỡng cháu K dưới hai tuổi, anh Đ đang nuôi cháu L. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng và ổn định việc học tập đối với con chung của anh chị HĐXX thấy cần giao cháu Nguyễn Quốc L cho anh Đ nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Quốc K cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Y có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quốc K sinh ngày 15/9/2018. Giao anh Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quốc L sinh ngày 13/10/2016. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Y đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002152 ngày 11/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị Y phải nộp. Chị Y đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm (24-7-2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T;
- UBND xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng